

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 11 – 2024.

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hiến.
- Ông Lê Văn Long.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Võ Bảo Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 196/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

- **Bị đơn:** Anh Tô Minh T1, sinh năm 1983.

Nơi ĐKTT: thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự đều vắng mặt, có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2024 và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên vào ngày 02/7/2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T1 chơi cờ bạc, dẫn đến nợ nần, vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm ảnh hưởng đến gia đình hai bên, vợ chồng không còn tiếng nói chung, làm ăn không có sự bàn bạc với nhau dẫn đến anh T1 phạm tội và bị bắt tạm giam. Nay chị T không còn tình cảm với anh T1, không thể quay lại để tiếp tục sống chung với nhau nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T1.

Về con chung: Có 03 con chung, tên: Tô Gia N, sinh ngày 15/6/2008, Tô Gia B, sinh ngày 11/12/2014 và Tô Gia Bảo C, sinh ngày 26/02/2022. Chị T yêu cầu nuôi 03 con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Tại đơn xin xét xử vắng mặt và không tiến hành hoà giải đề ngày 29/10/2024, bị đơn anh Tô Minh T1 trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 chấp nhận ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 03 con chung, tên: Tô Gia N, sinh ngày 15/6/2008, Tô Gia B, sinh ngày 11/12/2014 và Tô Gia Bảo C, sinh ngày 26/02/2022. Anh T1 đồng ý giao 03 con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Các đương sự đều đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên toà: Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với anh T1. Bị đơn anh Tô Minh T1 có nơi cư trú tại thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự đều có yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và được UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69, ngày 02/7/2007 (BL 04), đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do anh T1 chơi cờ bạc, nợ nần, làm ăn không có sự bàn bạc, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn tiếng nói chung, chị T xác định không còn tình cảm với anh T1.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T1, anh T1 đồng ý ly hôn với chị T nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 thống nhất có 03 con chung, tên: Tô Gia N, sinh ngày 15/6/2008, Tô Gia B, sinh ngày 11/12/2014 và Tô Gia Bảo C, sinh ngày 26/02/2022.

Xét thấy chị T yêu cầu nuôi 03 con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung, anh T1 đồng ý giao 03 con chung cho chị T nuôi dưỡng, cháu N và cháu B đều trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống với chị T nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Thu T đối với anh Tô Minh T1.

2. Về con chung: Giao cháu Tô Gia N, sinh ngày 15/6/2008, Tô Gia B, sinh ngày 11/12/2014 và Tô Gia Bảo C, sinh ngày 26/02/2022 cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thu T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị T nộp trước tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000585 ngày 24/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên(1)
- VKSND TX. Sông Cầu (2)
- THADS TX. Sông Cầu (1)
- Các đương sự (2)
- UBND xã Xuân Lộc, TX. Sông Cầu (giấy CNKH số 69 ngày 02/7/2007)
- Lưu hồ sơ (2);
- Án Văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ngọc Hà

